

Bản án số: 265/2023/DS-PT
Ngày: 12 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 671/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1199/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 760/2023/QĐPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/6B Đặng T, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường số 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 05838, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/5/2019 lập tại Văn phòng Công chứng H).

- Bị đơn: Ông Phạm Hùng T1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: 280/73 Bùi A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Nguyễn Thụy Hoa L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 016403, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/12/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn K).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Đức Th, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: 230 L, 95688 USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường số 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ, số công chứng: 1402, quyền số 01/2019-SCT/TLSQ, ngày 11/9/2019).

2/ Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1956 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 49 Đường số A, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Hùng T (Chết năm 2015):

3.1/ Bà Vũ Thị Hoa M, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 280/70/74 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường số 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 10534, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/8/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2/ Bà Phạm Vũ Mỹ N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 141 H NSW 2199.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lập tại Tổng Lãnh sự quán Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tại Sydney, Australia số công chứng: 792/2019, ngày 03/10/2019).

3.3/ Bà Phạm Vũ Mỹ D, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: 280/70/74 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 280/59 Bùi A , phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường số 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 09939, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 12/9/2019 lập tại Văn phòng Công chứng H).

5/ Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: 17 W, WA Australia (Úc).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/21A Đường số 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền lại số công chứng 09938, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 12/9/2019 lập tại Văn phòng Công chứng H).

6/ Bà Nguyễn Thụy Hoa L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Trẻ Phạm Nguyễn Ngọc L, sinh năm 2006

8/ Trẻ Phạm Nguyễn Đức T, sinh năm 2011.

Địa chỉ: 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ L và trẻ T:

8.1/ Ông Phạm Hùng T1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

8.2/ Bà Nguyễn Thụy Hoa L, sinh năm 1977 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Nguyễn Thụy Hoa L, sinh năm 1977 (có mặt)

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 003850, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/4/2023 lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn K).

Cùng địa chỉ: 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là ông Phạm Hùng T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Ngọc Quang A trình bày:

Cha mẹ của bà Phạm Thị L (là ông Phạm Văn A, sinh năm 1926, chết năm 2013 và bà Lê Thị B, sinh năm 1927, chết năm 2017, để lại nhà và đất tại địa chỉ số 280/73 Bùi A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2189/2003, ngày 16/6/2003 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B).

Ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B có 07 (bảy) người con chung:

1/ Ông Phạm Đức Th, sinh năm 1949.

2/ Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1956.

3/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958.

4/ Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1963, đã chết năm 2015.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Hùng T là vợ và các con gồm: Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D.

5/ Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1966.

6/ Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1970.

7/ Ông Phạm Hùng T1, sinh năm 1971.

Ngoài những người con trên, ông A và bà B không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Trước khi chết, ông A và bà B không lập di chúc để định đoạt di sản nói trên cho bất cứ ai.

Đến năm 2017, bà Lê Thị B chết, cũng không để lại di chúc. Ông Phạm Hùng T1 là người con út tiếp tục ở tại căn nhà và đất địa chỉ số 280/73 Bùi A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Phạm Thị L khởi kiện và yêu cầu Tòa chia cho bà 1/7 (một phần bảy) giá trị di sản thừa kế.

Theo nguyên đơn, ông Phạm Hùng T1 không đủ điều kiện về tài chính để chia cho bà L giá trị phần di sản được hưởng, đồng thời ông T1 cũng không có nhu cầu để tiếp tục quản lý và sử dụng di sản. Vì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T1 đã treo biển bán nhà là di sản đang tranh chấp. Vì vậy, trong gia đình có bà Phạm Thị Kim O muốn giữ lại căn nhà của cha mẹ làm kỷ niệm, cũng như làm chỗ thờ cúng ông bà sau này, nên bà O yêu cầu Tòa án giao cho bà được quyền sở hữu căn nhà là di sản của cha mẹ để lại, đồng thời bà O sẽ trả cho các đồng thừa kế khác phần giá trị di sản tương ứng với phần mỗi người được hưởng.

Bà Phạm Thị L đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim O, để bà O được quản lý, sử dụng và sở hữu di sản thừa kế là nhà và đất tại địa chỉ số 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời bà O có trách nhiệm trả cho bà L 1/7 (một phần bảy) tổng giá trị di sản thừa kế trên.

Ông Trần Ngọc Quang A là người đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Đức Th, bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Quang Th trình bày:

Bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Đức Th, ông Phạm Quang Th đồng ý với nội dung trình bày của nguyên đơn bà Phạm Thị L về di sản thừa kế là căn nhà và đất số 280/73 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, do cha mẹ là ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B chết và không có ai để lại di chúc, đề nghị Tòa án chia thừa kế cho các con theo quy định pháp luật.

bà O xin được quản lý, sử dụng và sở hữu di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại là nhà, đất tại địa chỉ số 280/73 Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời bà O sẽ trả tiền cho các đồng thừa kế khác gồm: Ông Phạm Đức Th, ông Phạm Ngọc T1, bà Phạm Thị L, ông Phạm Hùng T (chết 2015), ông Phạm Quang Th và ông Phạm Hùng T1 phần giá trị di sản bằng tiền tương ứng với phần mỗi người được hưởng.

Đồng thời phân di sản mà ông Phạm Quang Th được hưởng 1/7 (một phần bảy) tổng giá trị di sản mà cha mẹ là ông A và bà B chết để lại Ông H để cho bà Phạm Thị Kim O hưởng. bà O đồng ý nhận phần di sản mà Ông H khước từ và cho lại bà. Bà sẽ giao lại các giá trị phần của mỗi thừa kế được hưởng theo quy định.

Đối với ông Phạm Hùng T đã chết, bà O đồng ý giao kỹ phần thừa kế lại phần di sản mà ông T được hưởng sẽ chia cho vợ và con của ông gồm: Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D với tư cách là người được hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị.

Các thừa kế nói trên đều đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim O, để bà O được hưởng phần di sản bằng hiện vật là nhà, đất tại địa chỉ 280/73 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời bà O trả cho ông Phạm Đức Th 1/7 (một phần bảy), tổng giá trị di sản bằng hiện kim mà cụ A và cụ B chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N, bà Phạm Vũ Mỹ D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Hùng T có ông Trần Ngọc Quang A là người đại diện ủy quyền trình bày:

Bà Vũ Thị Hoa M là vợ của ông T. Bà Phạm Vũ Mỹ N, bà Phạm Vũ Mỹ D là con của ông Phạm Hùng T. Bà M, bà N và bà D đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thị Kim O, để bà O được hưởng phần di sản bằng hiện vật là nhà, đất tại địa chỉ 280/73 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời bà O trả cho bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ D, Phạm Vũ Mỹ N

1/7 (một phần bảy) tổng giá trị di sản bằng hiện kim mà cụ A và cụ B chết để lại với tư cách là người hưởng thừa kế của ông Phạm Hùng T.

Bị đơn ông Phạm Hùng T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc T1, bà Nguyễn Thụy Hoa L vợ ông T1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Tòa án đã cho tiến hành thẩm định giá nhà và đất số 280/73 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 28/10/2020 thì căn nhà và đất nêu trên có giá trị là 6.689.868.000đ (Sáu tỉ, sáu trăm tám mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có mặt đồng ý với kết quả thẩm định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1199/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Về di sản thừa kế: Xác định căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B để lại.

Xác định hàng thừa kế và những người hưởng thừa kế của ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B gồm:

1. Ông Phạm Đức Th.
2. Ông Phạm Ngọc T1.
3. Bà Phạm Thị L.
4. Bà Phạm Thị Kim O.
5. Ông Phạm Quang Th.
6. Ông Phạm Hùng T1.

7. Ông Phạm Hùng T có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản là vợ và các con gồm: Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D đại diện nhận kỷ phần thừa kế của ông T được hưởng.

- Phân chia di sản thừa kế cho ông Phạm Đức Th, ông Phạm Ngọc T1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Quang Th, ông Phạm Hùng T1, mỗi người được hưởng 14,5089% giá trị căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Riêng phần của ông Phạm Quang Th khước từ giao cho bà Phạm Thị Kim O được hưởng là 14,5089 % giá trị căn nhà nói trên. Tổng cộng bà O hưởng 29,0178% căn nhà.

Vợ và con của ông Phạm Hùng T là bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D nhận thay ông T được hưởng gộp chung là 12,946% giá trị căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hùng T1 không thanh toán các kỳ phần thừa kế bằng hiện kim cho các thừa kế nói trên theo bản án đã chia, (giá nhà và đất được định tại thời điểm thi hành án), thì bà Phạm Thị Kim O được ưu tiên nhận nhà và giao lại tiền theo giá nhà, đất tại thời điểm thi hành án cho các thừa kế bao gồm cả ông Phạm Hùng T1. Trong thời hạn 03 (ba) tháng liền sau đó, nếu bà O không thi hành việc phân chia giá trị tài sản theo phần cho những người trong hàng thừa kế nói trên, thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nói trên, để thanh toán theo trị giá tài sản mà mỗi người được hưởng tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/10/2022, bị đơn là ông Phạm Hùng T1 (có bà Nguyễn Thụy Hoa L đại diện theo ủy quyền) kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị L (có ông Trần Ngọc Quang A đại diện theo ủy quyền), bị đơn là ông Phạm Hùng T1 (có bà Nguyễn Thụy Hoa L đại diện theo ủy quyền), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Đức Th, bà Phạm Thị Kim O, bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N (đều do ông Trần Ngọc Quang A đại diện theo ủy quyền) thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau: ngoài kỳ phần thừa kế các đương sự được hưởng theo bản án sơ thẩm, bà Phạm Thị L, ông Phạm Đức Th, Phạm Thị Kim O, Vũ Thị Hoa M và Phạm Vũ Mỹ N, đồng ý hỗ trợ thêm cho ông Phạm Hùng T1 số tiền 300.000.000 đồng. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hùng T1 không thanh toán các kỳ phần thừa kế bằng hiện kim cho các đồng thừa kế theo bản án sơ thẩm đã chia, (giá nhà và đất được định tại thời điểm thi hành án), thì bà Phạm Thị Kim O được ưu tiên nhận nhà và giao lại tiền theo giá nhà, đất tại thời điểm thi hành án cho các thừa kế bao gồm cả ông Phạm Hùng T1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng liền sau đó, nếu bà O không thi hành việc phân chia giá trị tài sản theo phần cho những người trong hàng thừa kế nói trên, thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nói trên, để thanh toán theo trị giá tài sản mà mỗi người được hưởng tại thời điểm thi hành án. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã

thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Xét thấy, việc thỏa thuận là do các đương sự tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận, và sửa bản án sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện, căn nhà và đất tại số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2189/2003 ngày 16/6/2003 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B là di sản thừa kế của cụ A và cụ B chết để lại.

[2] cụ A và cụ B có 07 (bảy) người con chung, gồm: ông Phạm Đức Th, sinh năm 1949; Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1956; Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1963, chết năm 2015; Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1966; Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1970 và Ông Phạm Hùng T1, sinh năm 1971.

[3] Năm 2013, cụ A chết, không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mở thừa kế lần 1: Các thừa kế của cụ A gồm 08 người là: Bà Lê Thị B (vợ ông A), và 07 người con. Vậy căn nhà nêu trên được chia: $\frac{1}{2}$ căn nhà là di sản thừa kế của ông A chết để lại, được chia cho 08 người, mỗi người được hưởng là: $50\% : 08 = 6,25\%$ căn nhà (1).

Năm 2015, ông Phạm Hùng T chết, không có di chúc. Phần thừa kế của ông T là $6,25\%$ căn nhà, được chia cho mẹ, vợ và các con ông T gồm: bà Lê Thị B, bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N, bà Phạm Vũ Mỹ D, cụ thể mỗi người được hưởng: $6,25\% : 4 = 1,5625\%$ căn nhà (2)

Vợ và các con ông T (03 người) được hưởng $1,5625\% \times 3 = 4,6875\%$ căn nhà. bà B được hưởng $1,5625\%$ kỷ phần thừa kế của ông T chết để lại.

Đến năm 2016 bà Lê Thị B chết, không có di chúc. Di sản của bà B là: $50\% + 6,25\% + 1,5625\% = 57,8125\%$. Được chia cho 07 chi thừa kế còn lại là: ông Th, ông E, bà L, bà O, chi thừa kế các con của ông T là bà N, bà D được thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự 2015; Ông H, ông T1, tất cả là 07 chi: $57,8125\% : 7 = 8,2589\%$ (3)

Như vậy, các ông bà Phạm Đức Th, bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Ngọc T1, bà Phạm Thị L, ông Phạm Quang Th, ông Phạm Hùng T1 mỗi người được hưởng tỷ lệ giá trị tài sản căn nhà qua 02 lần mở thừa kế là: $6,25\%$ căn nhà + $8,2589\% = 14,5089\%$ căn nhà.

Ông Phạm Quang Th khước từ quyền hưởng di sản và để cho bà O hưởng phần của ông được nhận qua hai lần mở thừa kế, nên bà O được hưởng: $14,5089\% \times 2 = 29,0178\%$ căn nhà.

Riêng chi của ông Phạm Hùng T qua các lần phân chia, các thừa kế nhánh của ông T gồm bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D cùng nhận kỷ phần thừa kế thế vị do bà Lê Thị B để lại cho ông T, cũng như hưởng phần của ông T như sau: $3.125\% + 8.2589\% = 11,3839\%$.

Kỷ phần của vợ con ông T cộng gộp trong chia thừa kế cho 03 người này là: 12,946%. (4)

Tổng tỷ lệ nhận của các thừa kế đạt 99.999% giá trị căn nhà nêu trên.

Như vậy, việc chia thừa kế theo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị L (có ông Trần Ngọc Quang A đại diện theo ủy quyền), bị đơn là ông Phạm Hùng T1 (có bà Nguyễn Thụy Hoa L đại diện theo ủy quyền), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Đức Th, bà Phạm Thị Kim O, bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N (đều do ông Trần Ngọc Quang A đại diện theo ủy quyền) thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau: ngoài kỷ phần thừa kế các đương sự được hưởng theo bản án sơ thẩm nêu tại mục [3], bà Phạm Thị L, ông Phạm Đức Th, Phạm Thị Kim O, Vũ Thị Hoa M và bà Phạm Vũ Mỹ N, đồng ý hỗ trợ thêm cho ông Phạm Hùng T1 số tiền 300.000.000 đồng. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hùng T1 không thanh toán các kỷ phần thừa kế bằng hiện kim cho các đồng thừa kế theo bản án sơ thẩm đã chia, (giá nhà và đất được định tại thời điểm thi hành án), thì bà Phạm Thị Kim O được ưu tiên nhận nhà và giao lại tiền theo giá nhà, đất tại thời điểm thi hành án cho các thừa kế bao gồm cả ông Phạm Hùng T1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng liền sau đó, nếu bà O không thi hành việc phân chia giá trị tài sản theo phần cho những người trong hàng thừa kế nói trên, thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nói trên, để thanh toán theo trị giá tài sản mà mỗi người được hưởng tại thời điểm thi hành án. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

nghi.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Phạm Đức Th được miễn án phí.

Bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Ngọc T1, ông Phạm Quang Th, ông Phạm Hùng T1, mỗi người phải chịu số tiền án phí là 41.118.788đ (Bốn mươi một triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Trong đó, bà Phạm Thị Kim O nhận kỷ phần của ông Phạm Quang Th khuớc từ cho bà được hưởng, nên bà phải có nghĩa vụ nộp án phí thay phần của Ông H là 41.118.788đ (Bốn mươi một triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Hoàn lại cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0024502, ngày 18/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và bà Phạm Vũ Mỹ D cùng liên đới nộp số tiền án phí là 37.982.109đ (Ba mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, một trăm lẻ chín đồng).

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng vào Điều 219, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1199/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về di sản thừa kế: Xác định căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B để lại.

Xác định hàng thừa kế và những người hưởng thừa kế của ông Phạm Văn A và bà Lê Thị B gồm:

+ Ông Phạm Đức Th.

+ Ông Phạm Ngọc T1.

- + Bà Phạm Thị L.
- + Bà Phạm Thị Kim O.
- + Ông Phạm Quang Th.
- + Ông Phạm Hùng T1.

+ Ông Phạm Hùng T có các người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản là vợ và các con gồm: Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D đại diện nhận kỷ phần thừa kế của ông T được hưởng.

- Phân chia di sản thừa kế cho ông Phạm Đức Th, ông Phạm Ngọc T1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Quang Th, ông Phạm Hùng T1, mỗi người được hưởng 14,5089% giá trị căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Riêng phần của ông Phạm Quang Th khước từ giao cho bà Phạm Thị Kim O được hưởng là 14,5089% giá trị căn nhà nói trên. Tổng cộng bà O hưởng 29,0178% căn nhà.

- Vợ và con của ông Phạm Hùng T là bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và Phạm Vũ Mỹ D nhận thay ông T được hưởng gộp chung là 12,946% giá trị căn nhà và đất số 280/70 đường Bùi A , phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị L, ông Phạm Đức Th, bà Phạm Thị Kim O, bà Vũ Thị Hoa M và bà Phạm Vũ Mỹ N hỗ trợ cho ông Phạm Hùng T1 số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

3. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hùng T1 không thanh toán các kỷ phần thừa kế bằng hiện kim cho các thừa kế nói trên theo bản án đã chia, (giá nhà và đất được định tại thời điểm thi hành án), thì bà Phạm Thị Kim O được ưu tiên nhận nhà và giao lại tiền theo giá nhà, đất tại thời điểm thi hành án cho các thừa kế bao gồm cả ông Phạm Hùng T1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng liền sau đó, nếu bà O không thi hành việc phân chia giá trị tài sản theo phần cho những người trong hàng thừa kế nói trên, thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản nói trên, để thanh toán theo trị giá tài sản mà mỗi người được hưởng tại thời điểm thi hành án.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị L, ông Phạm Đức Th được miễn án phí.

- Bà Phạm Thị Kim O, ông Phạm Ngọc T1, ông Phạm Quang Th, ông Phạm Hùng T1, mỗi người phải chịu số tiền án phí là 41.118.788đ (Bốn mươi

một triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Trong đó, bà Phạm Thị Kim O nhận kỷ phần của ông Phạm Quang Th khước từ cho bà được hưởng, nên bà phải có nghĩa vụ nộp án phí thay phần của Ông H là 41.118.788đ (Bốn mươi một triệu, một trăm mười tám nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng).

Hoàn lại cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0024502, ngày 18/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Vũ Thị Hoa M, bà Phạm Vũ Mỹ N và bà Phạm Vũ Mỹ D cùng liên đới nộp số tiền án phí là 37.982.109đ (Ba mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, một trăm lẻ chín đồng).

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Hùng T1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phạm Hùng T1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003350 ngày 28/10/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (12);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 23b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình